

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án: **15/2019/DS-ST**.

Ngày: 16/8/2019

V/v “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH- TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Trí.

Các hội thẩm nhân dân : 1. Ông Mai Thế Hải

2. Bà Bùi Thị Luyến

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh tỉnh Bình Thuận; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 100/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2019, Về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

***/ Nguyên đơn:** Ông Bùi Văn P, sinh năm 1983; Trú tại: Thôn 2, xã ĐK, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

***/ Bị đơn:** Bà Mai Thị Ngọc H, sinh năm 1983 và ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1978; Cùng trú tại: Thôn 2, xã ĐK, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

***/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Trần Thị T1, sinh năm 1990; Trú tại: Thôn 2, xã ĐK, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Nguyên đơn ông Bùi Văn P trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:*

Ông P khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Mai Thị Ngọc H và ông Nguyễn Tấn T phải trả cho vợ chồng ông P số tiền nợ vay 490.000.000đ. Căn cứ khởi kiện: vào ngày 13/4/2018 vợ chồng bà Mai Thị Ngọc H và ông Nguyễn Tấn T cùng đến nhà ông P đặt vấn đề vay số tiền 190.000.000đ để kinh doanh với mức lãi suất thỏa thuận 1%/tháng. Thời gian vay từ ngày 13/4/2018, thời hạn trả gốc vào ngày 13/8/2018, tiền lãi trả hàng tháng. Cùng ngày, vợ chồng bà H, ông T vay thêm vợ chồng ông P số tiền 300.000.000đ với mục đích vay để kinh doanh như trên thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, thời hạn trả nợ gốc vào ngày 13/8/2018; cả hai lần vay

tiền tổng cộng là 490.000.000đ. Từ khi vay cho đến nay vợ chồng bà H, ông T không trả tiền gốc và tiền lãi cho vợ chồng ông P theo thỏa thuận nên ông P đã làm khởi kiện đối với vợ chồng bà H, ông T phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông P, bà Tâm số nợ vay 490.000.000đ, không yêu cầu T tiền lãi.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông Văn P giao nộp các tài liệu, chứng cứ như sau: 02 giấy mượn tiền ngày 13/4/2018; 01 bản sao chứng minh nhân dân ông P, bà Tâm; 01 bản sao sổ hộ khẩu của gia đình ông P, bà Tâm.

Bị đơn bà Mai Thị Ngọc H, ông Nguyễn Tấn T cùng trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Bà H và ông T xác nhận hiện nay chỉ còn nợ vợ chồng ông P, bà T1 số tiền 216.300.000đ tiền vay và tiền huê hụi chưa trả. Về nguyên nhân phát sinh số nợ thì bà H, ông T cùng trình bày: vào ngày 26/11/2017 bà H có chơi hụi do vợ ông P là bà T1 làm chủ, chân hụi 12 tháng, đóng hụi góp mỗi ngày 200.000đ, đóng trong 12 tháng, người hốt cuối được 72.000.000đ. Bà H hốt hụi đầu tiên được số tiền 55.00.000đ. Sau khi hốt hụi bà H đóng hụi chết cho bà T1 đầy đủ. Cùng ngày 26/11/2017 bà H, ông P vay vợ chồng ông P, bà T1 210.000.000đ, cộng dồn thêm số tiền lãi của số tiền trên là 15.000.000đ thành 225.000.000đ. Từ ngày 19/12/2018 thì có viết giấy cam kết trả mỗi ngày 100.000đ, đến nay vợ chồng bà H, ông T đã trả cho vợ chồng ông P, bà T1 được 8.700.000đ, số tiền này trừ vào số nợ gốc 225.000.000đ, hiện nay còn nợ ông P, bà T1 216.300.000đ chưa trả. Số nợ 216.300.000đ vợ chồng bà H đồng ý trả cho vợ chồng ông P bà T1 nhưng chỉ trả bằng phương thức trả góp vì hiện nay hoàn cảnh gia đình đang khó khăn.

Bà H và ông T giao nộp các tài liệu chứng cứ như sau: 01 giấy trả tiền và 02 giấy mượn tiền lập cùng ngày 26/11/2017 - đều bản gốc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị T1 thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn P.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của BLTTDS.

- Quan điểm giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 3 điều 26, khoản 1 điều 35, các điều 146, 147, 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về lệ phí, án phí Tòa án:

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn P; Buộc vợ chồng bà Mai Thị Ngọc H và ông Nguyễn Tấn T phải trả cho vợ chồng ông Bùi Văn P và bà Trần Thị T1 số tiền 490.000.000đ.

Về án phí: Trả lại cho ông Bùi Văn P số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Mai Thị Ngọc H và ông Nguyễn Tấn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe các đương sự trình bày; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên Tòa, ông Bùi Văn P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng bà Mai Thị Ngọc H và ông Nguyễn Tấn T phải trả 490.000.000đ tiền nợ vay vào ngày 13/4/2018. Vợ chồng bà H và ông T thừa nhận hiện nay chỉ nợ vợ chồng ông P, bà T1 216.300.000đ, khoảng nợ trên xuất phát từ việc bà H, ông T vay tiền và chơi huê hụi với bà T1 sau đó hai bên chốt nợ. Do không thống nhất với nhau về số nợ phải trả, căn cứ vào giấy mượn tiền đã được bà H, ông T xác lập, ông P đã viết đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà H, ông T phải trả số nợ 490.000.000đ. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự 2015.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Bùi Văn P:*

Về số tiền nợ vay phải trả: Tại phiên Tòa hôm nay, nguyên đơn – Bùi Văn P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc vợ chồng bà Mai Thị Ngọc H và ông Nguyễn Tấn T phải trả cho vợ chồng P, bà T1 số tiền còn nợ là 490.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông P đã cung cấp bản gốc hai “giấy mượn tiền” lập ngày 13/4/2018 có chữ ký của bên mượn tiền là bà H, ông T, tổng số tiền mượn của hai tờ giấy là 490.000.000đ và yêu cầu vợ chồng bà H, ông T phải có trách nhiệm trả đủ.

Bị đơn - bà Mai Thị Ngọc H và ông Nguyễn Tấn T thống nhất cho rằng đến thời điểm hiện nay chỉ nợ vợ chồng ông P, bà T1 216.300.000đ chưa trả chứ không phải là 490.000.000đ theo như ông P khởi kiện. Số tiền nợ trên bà H, ông T xác định đây là nợ chung của vợ chồng và đồng ý trả cho vợ chồng ông P, bà T1 chứ không có ý kiến gì. Về nguyên nhân phát sinh số nợ trên thì bà H, ông T cùng trình bày: vào ngày 26/11/2017 bà H có tham gia chơi huê hụi do vợ ông P là bà T1 làm chủ, chân hụi 12 tháng, đóng hụi mỗi ngày 200.000đ, người hốt cuối được 72.000.000đ. Bà H là người đăng ký hốt hụi đầu tiên được 55.000.000đ. Sau khi hốt hụi bà H đóng hụi chết cho bà T1 đầy đủ; cùng ngày vợ chồng bà H, ông T vay của vợ chồng ông P, bà T1 210.000.000đ, cộng thêm số tiền lãi của số tiền trên là 15.000.000 đồng thành số tiền vay 225.000.000đ. Sau đó đến ngày 19/12/2018 thì có viết giấy cam kết trả mỗi ngày 100.000đ và sau đó vợ chồng bà H đã trả được

8.700.000đ, số tiền này trừ vào số nợ gốc 225.000.000đ thì còn nợ còn nợ ông P, bà T1 216.300.000đ. Số nợ 216.300.000đ như trên thì vợ chồng bà H, ông T đồng ý trả cho vợ chồng ông P, bà T1. Đối với hai giấy mượn tiền mà ông P cung cấp làm căn cứ khởi kiện thì bà H, ông T có ý kiến như sau: Về số nợ 190.000.000đ, thực tế vợ chồng bà H, ông T không nhận số tiền này mà chỉ chốt từ số tiền nợ gốc và nợ lãi từ những lần chơi huê hụi còn thiếu trước đây nhưng bà H, ông T đã trả đủ cho vợ chồng ông P, bà T1. Về số nợ 300.000.000đ, đây thực chất là giấy chốt nợ đối với số tiền hụi 55.000.000đ, số tiền vay 225.000.000đ và 25.000.000đ tiền lãi cộng dồn vào gốc. Sau khi viết giấy này thì vợ chồng ông P, bà T1 đã trả lại hai giấy mượn tiền lập ngày 26/11/2017 cho vợ chồng bà H, ông T xem như đã chốt nợ xong. Trong số nợ 300.000.000đ thì có 55.000.000đ tiền nợ hụi, 225.000.000đ tiền nợ vay nhưng đã trả góp được 8.700.000đ nếu trừ lãi 25.000.000đ thì còn lại tiền nợ gốc 216.300.000đ. Tuy nhiên lý do mà bà H, ông T đưa để giải thích về số nợ còn thiếu là 216.300.000 không được ông P, bà T1 chấp nhận. Ông P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện dựa trên chứng cứ là hai giấy mượn tiền lập ngày 13/4/2018 để buộc vợ chồng bà H, ông T phải có nghĩa vụ trả cho ông P, bà T1 490.000.000đ. Đối với hai giấy mượn tiền lập ngày 26/11/2017 mà bà H, ông T cung cấp thể hiện nội dung bà H, ông T có mượn của vợ chồng ông P, bà T1 tổng số tiền là 280.000.000đ thì ông P, bà T1 cho rằng các khoản tiền này không liên quan gì đến khoản nợ 490.000.000đ mà ông P yêu cầu bà H, ông T phải trả.

Hội đồng xét xử xét: khoản nợ 190.000.000đ và 300.000.000đ được thể hiện trong hai giấy mượn tiền lập cùng ngày 13/4/2018 thì chữ viết là của bà H, còn chữ ký bên mượn là của bà H, ông T. Tuy nhiên bà H, ông T đều cho rằng khoản nợ 190.000.000đ thực tế bà H, ông T không vay số tiền này mà do chốt nợ gốc và nợ lãi của những lần chơi huê hụi nhưng bà H, ông T đã trả đủ cho vợ chồng ông P, bà T1. Số nợ 300.000.000đ thực chất là chốt nợ của số tiền hụi 55.000.000đ và 225.000.000đ tiền vay và 25.000.000đ tiền lãi cộng dồn vào gốc và đã trả góp được 8.700.000, hiện còn nợ 216.300.000đ đều không đưa ra được chứng cứ để chứng minh và cũng không được nguyên đơn thừa nhận.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn P là có căn cứ nên cần buộc bị đơn - bà Mai Thị Ngọc H và ông Nguyễn Tấn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Bùi Văn P và Trần Thị T1 số tiền nợ 490.000.000đ là phù với quy định tại Điều 463, 466 BLDS 2015.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông P được chấp nhận nên cần buộc bị đơn - bà H, ông T phải chịu án phí DS/ST là phù hợp với quy định tại các Điều 146, 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Bùi Văn P.

- Buộc bà Mai Thị Ngọc H và ông Nguyễn Tấn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Bùi Văn P và bà Trần Thị T1 số tiền nợ vay là 490.000.000đ (bốn trăm chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí:

- Buộc bà Mai Thị Ngọc H và ông Nguyễn Tấn T phải nộp 23.600.000đ án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

- Trả lại cho ông Bùi Văn P 11.800.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số N 0013300 ngày 26/4/2019 của Chi cục Thi hành án huyện Tánh Linh.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 16/8/2019.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự. (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự.....;
- Chi cục Thi hành án DS h.Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Mạnh Trí